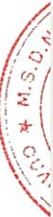


**CÔNG TY
CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK
VÀ CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2015	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 32

1392
C
K
D

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và công ty con (dưới đây gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Logistics Vinalink trước đây là Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng, được thành lập theo:

- Quyết định số 0776/1999/QĐ/BTM ngày 24 tháng 06 năm 1999 về chuyển đổi Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 064162 ngày 31 tháng 07 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Ngày 22 tháng 05 năm 2014, Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Logistics Vinalink theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301776205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 09 tháng 09 năm 2015.

Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 90/QĐ-SGDHCM ngày 10 tháng 08 năm 2009 do Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp là 90 tỷ đồng.

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có đầu tư vào 01 công ty con là Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia).

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0113000049 ngày 29 tháng 12 năm. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-001 ngày 13 tháng 06 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0213005696 ngày 22 tháng 09 năm 2009. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-002 ngày 30 tháng 05 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Nam Tiến	Chủ tịch
Ông Vũ Thế Đức	Phó Chủ tịch
Bà Trần Thị Bình	Thành viên
Ông Đinh Quang Ngọc	Thành viên
Ông Trương Minh Long	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Bà Vũ Thị Bình Nguyễn	Trưởng ban
Bà Trang Anh Xuân	Thành viên
Bà Phan Phương Tuyền	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Nam Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Đinh Quang Ngọc	Phó Tổng Giám đốc

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh



5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN NAM TIẾN

Số: 16.132HN/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các cổ đông**
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 22 tháng 03 năm 2016 từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD
AUDIT | TAX | CONSULTING

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2016

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



LỤC THỊ VÂN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0172-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN



HUỲNH THỊ NGỌC TRINH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2124-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		252.053.682.487	229.783.027.980
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	133.330.165.061	140.920.449.173
1. Tiền	111		61.196.421.509	33.866.957.942
2. Các khoản tương đương tiền	112		72.133.743.552	107.053.491.231
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		118.710.637.472	88.697.759.268
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(5.2)	111.535.621.609	82.868.705.306
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.311.727.432	2.445.901.190
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		900.000.000	900.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	(5.5)	7.078.712.115	4.836.631.003
5. Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(5.6)	(2.115.423.684)	(2.353.478.231)
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.879.954	164.819.539
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		12.879.954	130.027.303
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			34.792.236
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		86.820.259.844	78.241.764.483
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		16.450.685.234	15.815.252.287
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	(5.3)	7.973.352.207	7.973.352.207
2. Phải thu dài hạn khác	216	(5.5)	8.477.333.027	7.841.900.080
II. Tài sản cố định	220		10.480.952.208	9.261.277.874
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.7)	10.480.952.208	9.261.277.874
+ Nguyên giá	222		35.417.941.814	31.834.436.287
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.936.989.606)	(22.573.158.413)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.4)	59.888.622.402	53.045.342.485
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		59.162.472.402	52.319.192.485
2. Đầu tư dài hạn khác	253		726.150.000	726.150.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260			119.891.837
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			119.891.837
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		338.873.942.331	308.024.792.463

(Phần tiếp theo ở trang 7)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		148.876.775.410	133.733.859.934
I. Nợ ngắn hạn	310		81.929.908.410	64.695.716.934
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	(5.8)	33.896.253.212	28.039.005.778
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	(5.9)	13.758.642.826	14.289.916.848
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(5.10)	10.776.037.133	10.127.741.221
4. Phải trả người lao động	314	(5.11)	11.586.354.846	7.308.757.600
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	(5.12)	4.307.798.566	1.343.334.200
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	(5.13)	4.186.380.400	1.948.619.860
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	(5.14)	3.418.441.427	1.638.341.427
II. Nợ dài hạn	330		66.946.867.000	69.038.143.000
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	(5.15)	34.000.000.000	36.000.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	(5.13)	32.946.867.000	33.038.143.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		189.997.166.921	174.290.932.529
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.16.1)	189.997.166.921	174.290.932.529
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		90.000.000.000	90.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		90.000.000.000	90.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.955.270.400	4.955.270.400
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		7.000.000.000	6.000.000.000
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		43.804.284	8.306.704
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		395.049.778	346.747.302
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(5.16.4)	87.603.042.459	72.980.608.123
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		50.967.510.152	22.807.782.910
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		36.635.532.307	50.172.825.213
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		338.873.942.331	308.024.792.463

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU



LÊ THỊ THANH THANH

Q. KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN ANH NAM

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN NAM TIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		747.267.986.102	668.370.861.506
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	747.267.986.102	668.370.861.506
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	712.663.693.630	639.160.413.854
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		34.604.292.472	29.210.447.652
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	16.628.711.408	8.294.601.434
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	8.396.816.171	7.461.782.318
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23			
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24	(6.5)	15.892.236.339	45.010.626.160
8. Chi phí bán hàng	25			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(6.6)	14.429.749.244	13.214.188.459
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		44.298.674.804	61.839.704.469
11. Thu nhập khác	31		187.727.272	396.818.182
12. Chi phí khác	32		163.601.069	311.503.201
13. Lợi nhuận khác	40		24.126.203	85.314.981
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		44.322.801.007	61.925.019.450
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.7)	7.687.268.700	11.752.194.237
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		36.635.532.307	50.172.825.213
17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	61			
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		36.635.532.307	50.172.825.213
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty mẹ	70	(5.16.3)	3.696	5.123
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu của Công ty mẹ	70	(5.16.3)	3.696	5.123

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2016

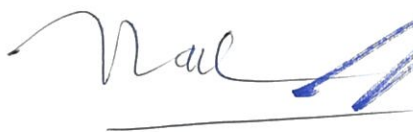
NGƯỜI LẬP BIỂU

Q. KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ THỊ THANH THANH



NGUYỄN ANH NAM



NGUYỄN NAM TIẾN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		44.322.801.006	61.925.019.450
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		3.172.373.598	3.144.870.622
Các khoản dự phòng	03		321.126.722	
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.219.088.936)	(392.096.087)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(22.033.270.832)	(45.390.741.776)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		24.563.941.558	19.287.052.209
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(21.066.334.096)	(7.980.046.252)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		10.276.727.384	62.161.510.286
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		237.039.186	113.979.041
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(13.773.631.684)	(4.538.116.314)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			294.367.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.589.900.000)	(4.780.994.636)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.352.157.652)	64.557.751.334
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.341.550.084)	(851.534.909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		186.363.636	395.454.546
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(30.000.000.000)	(900.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		30.000.000.000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.000.000.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.220.940.000	43.560.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		16.472.085.561	9.366.020.835
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		11.537.839.113	51.569.940.472
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(18.353.878.000)	(18.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(18.353.878.000)	(18.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(8.168.196.539)	98.127.691.806
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		140.920.449.173	42.537.241.656
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		577.912.427	255.515.711
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		133.330.165.061	140.920.449.173

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

Q. KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





LÊ THỊ THANH THANH

NGUYỄN ANH NAM

NGUYỄN NAM TIẾN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Logistics Vinalink trước đây là Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng, được thành lập theo:

- Quyết định số 0776/1999/QĐ/BTM ngày 24 tháng 06 năm 1999 về chuyển đổi Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 064162 ngày 31 tháng 07 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Ngày 22 tháng 05 năm 2014, Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Logistics Vinalink theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301776205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 09 tháng 09 năm 2015.

Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 90/QĐ-SGDHCM ngày 10 tháng 08 năm 2009 do Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở của Công ty được đặt tại số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp là 90 tỷ đồng.

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có đầu tư vào 01 công ty con, được trình bày tại mục 1.5 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

Ngoài ra, Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2015 Công ty còn có các đơn vị trực thuộc như sau:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0113000049 ngày 29 tháng 12 năm. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-001 ngày 13 tháng 06 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0213005696 ngày 22 tháng 09 năm 2009. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-002 ngày 30 tháng 05 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 370 người (31/12/2014: 353 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ vận tải.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo các Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn bao gồm:

- Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa, vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh các dịch vụ giao nhận vận tải, kho, gom hàng xuất nhập khẩu, dịch vụ thủ tục hải quan và các dịch vụ khác như tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, giám định, kiểm kiện;
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, quản lý vỏ container cho các hãng tàu;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu, nhận ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật;
- Đại lý bán vé máy bay, đại lý vận chuyển hàng hóa;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Đại lý vận tải hàng hóa hàng không, gửi hàng.

1.4. Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

1.5. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Công ty con trực tiếp

<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia)	Số 144, Đường 169, Sangket Veal Vong, Khan 7 Makara, Phnom Penh, Vương quốc Campuchia	100%	100%

1.6. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<u>STT</u>	<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty</u>
1.	Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung	Số 184, Đường Trần Phú, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng	29,28%	29,28%
2.	Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina	Số 18A, Đường Lưu Trọng Lư, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	25,00%	9,15%
3.	Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển	Số 44, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	50,00%	51,00%
4.	Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	Số 30, Đường Phan Thúc Duyệt, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	50,00%	30,00%
5.	Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	Số 145-147, Đường Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	33,33%	45,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

1.7. Danh sách các công ty liên kết ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập báo cáo tài chính hợp nhất

<u>STT</u>	<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty</u>
1.	Công ty Cổ phần Logistic Kim Thành	Lô KB13, Đường T5 Khu Thương mại - Công nghiệp Kim Thành, Phường Duyên Hải, TP. Lào Cai	30%	30%
2.	Công ty Cổ Phần Vận Chuyển Vinalink	147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	40%	40%

Nguyên nhân không hợp nhất quyền lợi là do đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 công ty liên kết chưa phát sinh lợi nhuận để hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá hạch toán 22.000 VND/USD.
- Tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ.
- Tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá hạch toán 22.000 VND/USD.

4.2 Áp dụng các Chuẩn mực và Hướng dẫn kế toán mới

Năm 2015 là năm đầu tiên Tập đoàn áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam sửa đổi theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (TT200).

TT200 yêu cầu trình bày lại thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa TT200 và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính. Do đó, Tập đoàn đã thực hiện việc trình bày lại một số thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 để phù hợp với việc trình bày các số liệu của năm hiện hành như đã nêu tại mục 4.23.

Tập đoàn áp dụng Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính để soạn thảo và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015.

4.3 Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

4.6 Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Phải thu nội bộ là khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến tiền thuê đất, phí thuê văn phòng. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
+Máy móc thiết bị	05 - 08 năm
+Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 11 năm
+Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

4.9 Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Tập đoàn nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên doanh

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên doanh khi Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi lỗ của công ty liên doanh sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên doanh sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính khác.

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn khác được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tập đoàn phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Tập đoàn đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.10 Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.11 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là khoản phải trả cho chi phí hoa hồng nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.12 Lương

Căn cứ trên Quỹ lương được duyệt của Hội đồng quản trị.

4.13 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước của hợp đồng hợp tác kinh doanh từ đối tác. Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu phù hợp với thời gian hợp tác trên hợp đồng.

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Việc trích lập quỹ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.15 Doanh thu và thu nhập khác***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Thu nhập đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty liên doanh liên kết.

4.16 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.17 Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính hợp nhất.

4.18 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

4.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.20 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.21 Thuế***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thuế suất thuế TNDN Công ty đang áp dụng là 22% đối với hoạt động kinh doanh chính.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

+ Cước vận tải quốc tế	0%
+ Dịch vụ liên quan vận tải đa phương thức	10%

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.23 Số liệu so sánh

Như trình bày tại mục 4.2, từ năm 2015, Tập đoàn đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Do ảnh hưởng của việc áp dụng các hướng dẫn trong thông tư này nên để bảo đảm tính so sánh của các số liệu, một vài số liệu của bảng cân đối hợp nhất ngày 31/12/2014, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015 đã được điều chỉnh lại, cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Trích)

	Đầu năm (Được báo cáo lại)	VND Đầu năm (Đã được báo cáo trước đây)
Đầu tư ngắn hạn	-	900.000.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	900.000.000	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.445.901.190	10.419.253.397
Phải thu ngắn hạn khác	4.836.631.003	7.935.909.116
Tài sản ngắn hạn khác	-	4.297.077.967
Trả trước cho người bán dài hạn	7.973.352.207	-
Phải thu dài hạn khác	7.841.900.080	-
Tài sản dài hạn khác	-	445.544.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.289.916.848	50.289.916.848
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	36.000.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	1.948.619.860	34.241.398.507
Phải trả dài hạn khác	33.038.143.000	213.143.000

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích)

	Năm trước (Được báo cáo lại)	VND Năm trước (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phần và lấy suy giảm trên cổ phần	5.123	5.575

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do có sự thay đổi giữa TT200 và các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	6.377.576.689	3.756.290.340
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	54.818.844.820	30.110.667.602
Các khoản tương đương tiền	72.133.743.552	107.053.491.231
Cộng	<u>133.330.165.061</u>	<u>140.920.449.173</u>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.

5.2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công nợ các đại lý nước ngoài	29.120.779.993	14.780.844.880
Công nợ Khối Đường biển	2.782.054.201	3.955.684.764
Công nợ Khối Hàng không	4.796.161.506	16.904.999.797
Công nợ Khối Logistics	6.025.226.516	4.449.108.982
Công nợ Khối Sale & Marketing	11.221.908.533	-
Công nợ của chi nhánh Hà Nội	50.190.407.051	40.128.435.956
<i>Cước</i>	29.012.955.383	25.489.852.086
<i>Dịch vụ</i>	16.972.207.343	11.024.755.352
<i>Thu trả hộ</i>	4.205.026.694	3.613.828.518
<i>Thu tạm ứng khách hàng</i>	217.631	-
Công nợ của chi nhánh Hải Phòng	352.670.530	1.193.936.888
Công ty con	2.669.869.393	789.442.958
Các khoản khác	4.376.543.886	666.251.081
Cộng	<u>111.535.621.609</u>	<u>82.868.705.306</u>

5.3. Trả trước cho người bán dài hạn

Khoản trả trước cho người bán dài hạn là 2 khoản ứng trước như sau:

- Khoản ứng trước 60% giá trị hợp đồng cho Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Hiệp Phước Khánh về việc thực hiện dịch vụ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, xin giấy phép đầu tư xây dựng kho bãi và nhà xưởng tại Xã Phước Hòa, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với số tiền là 3.087.000.000 đồng.
- Khoản ứng trước 18% giá trị hợp đồng cho Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Phú An Thạnh - Long An về việc thuê quyền sử dụng đất gắn với kết cấu hạ tầng trên đất tại Khu công nghiệp Bắc An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An với số tiền là 4.886.352.207 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

5.4. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh liên kết được chi tiết như sau:

	Tỷ lệ lợi ích	Vốn góp theo phương pháp giá gốc đến ngày 31/12/2015	VND Vốn góp theo phương pháp vốn chủ sở hữu đến ngày 31/12/2015
Đầu tư vào công ty liên doanh:			
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	9,15%	4.908.430.302	9.628.492.334
Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	30%	1.927.800.000	8.148.570.993
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	45%	2.130.300.000	4.858.333.342
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	51%	3.680.051.500	8.244.286.759
Cộng		12.646.581.802	30.879.683.428

	Số lượng cổ phần	VND Vốn góp theo phương pháp giá gốc đến ngày 31/12/2015	VND Vốn góp theo phương pháp vốn chủ sở hữu đến ngày 31/12/2015
Đầu tư vào công ty liên kết:			
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	439.200	4.392.000.000	8.062.199.974
Công ty Cổ phần Logistic Kim Thành	1.822.059	18.220.589.000	18.220.589.000
	Tỷ lệ lợi ích		
Công ty Cổ Phần Vận Chuyển Vinalink	40%	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng		22.612.589.000	28.282.788.974

Đầu tư dài hạn khác là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Vận Tải Ô Tô Vinatrans với tỷ lệ là 9,81%.

5.5. Phải thu khác

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
Ngắn hạn:					
Tam ứng cho nhân viên làm hàng	2.794.145.268	-	4.297.077.967	-	
Phải thu khác	4.284.566.847	-	539.553.036	-	
Cộng	7.078.712.115	-	4.836.631.003	-	
Dài hạn:					
Đầu tư vào 127.132m ² đất ở Nhơn Trạch - Đồng Nai (*)	7.558.347.027	-	7.396.356.080	-	
Ký cược, ký quỹ	918.986.000	-	445.544.000	-	
Cộng	8.477.333.027	-	7.841.900.080	-	

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

(*) Khoản phải thu dài hạn khác là khoản tạm ứng mua đất ở huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai do một số thành viên quản lý chủ chốt thay mặt Công ty đứng tên pháp lý - Xem thêm mục 7.

5.6. Nợ xấu

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	4.608.468.176	2.493.044.492	4.183.009.513	1.829.531.282

Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo thời gian quá hạn được chi tiết như sau:

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dư nợ từ 6 tháng - 1 năm	1.714.737.558	1.200.316.291	-	-
Dư nợ từ 1 - 2 năm	2.125.355.082	1.062.215.541	1.418.486.040	932.726.370
Dư nợ từ 2 - 3 năm	292.757.464	87.827.239	1.410.137.064	678.707.669
Dư nợ từ 3 - 4 năm	175.864.816	52.759.445	606.057.476	181.817.243
Dư nợ từ 4 - 5 năm	299.753.256	89.925.976	456.545.400	-
Dư nợ trên 5 năm	-	-	291.783.533	36.280.000
Cộng	4.608.468.176	2.493.044.492	4.183.009.513	1.829.531.282

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	8.052.973.806	1.668.890.673	20.816.299.330	1.296.272.478	31.834.436.287
Mua trong năm	-	-	4.143.842.818	347.596.473	4.491.439.291
Giảm khác	-	-	(907.933.764)	-	(907.933.764)
Số dư cuối năm	8.052.973.806	1.668.890.673	24.052.208.384	1.643.868.951	35.417.941.814
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	6.920.408.914	1.105.467.179	13.626.144.078	921.138.242	22.573.158.413
Khấu hao trong năm	364.961.510	162.194.817	2.380.514.807	264.702.464	3.172.373.598
Giảm khác	-	-	(808.542.405)	-	(808.542.405)
Số dư cuối năm	7.285.370.424	1.267.661.996	15.198.116.480	1.185.840.706	24.936.989.606
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.132.564.892	563.423.494	7.190.155.252	375.134.236	9.261.277.874
Tại ngày cuối năm	767.603.382	401.228.677	8.854.091.904	458.028.245	10.480.952.208

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 8.850.309.931 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

5.8. Phải trả người bán

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Văn phòng Hồ Chí Minh	9.042.487.867	9.042.487.867	7.326.205.373	7.326.205.373
Chi nhánh Hà nội	22.762.564.535	22.762.564.535	18.878.964.568	18.878.964.568
Chi nhánh Hải Phòng	1.078.183.398	1.078.183.398	1.820.722.933	1.820.722.933
Công ty con	1.013.017.412	1.013.017.412	13.112.904	13.112.904
Cộng	<u>33.896.253.212</u>	<u>33.896.253.212</u>	<u>28.039.005.778</u>	<u>28.039.005.778</u>

5.9. Người mua trả tiền trước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Người mua trả tiền trước ngắn hạn:		
Công nợ đại lý nước ngoài	10.434.333.702	13.124.950.615
Các khoản khác	3.324.309.124	1.164.966.233
Cộng	<u>13.758.642.826</u>	<u>14.289.916.848</u>

5.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND			
	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
Phải nộp:				
Thuế giá trị gia tăng	840.240.647	14.316.268.560	10.680.002.443	4.476.506.764
Thuế TNDN	8.871.727.530	9.341.791.615	13.773.405.989	4.440.113.156
Thuế thu nhập cá nhân	101.695.767	1.688.249.588	1.639.118.763	150.826.592
Tiền thuê đất và thuế đất	47.446.452	5.477.762.952	5.525.209.404	-
Các loại thuế khác	266.630.825	4.643.280.063	3.201.320.267	1.708.590.621
Cộng	<u>10.127.741.221</u>	<u>35.467.352.778</u>	<u>34.819.056.866</u>	<u>10.776.037.133</u>

5.11. Phải trả người lao động

Là quỹ lương năm 2015 còn phải trả cho người lao động.

5.12. Chi phí phải trả

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí hoa hồng	1.425.691.527	1.343.334.200
Cước vận chuyển, phí làm hàng	2.882.107.039	-
Cộng	<u>4.307.798.566</u>	<u>1.343.334.200</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

5.13. Phải trả khác

		VND
	Cuối năm	Đầu năm
Ngắn hạn:		
Cổ tức phải trả	-	353.878.000
Hoa hồng phải trả đại lý	3.423.255.071	759.727.675
Thuế TNCN 10% hoa hồng bán hàng	475.410.670	277.188.796
Các khoản phải trả, phải nộp khác	287.714.659	557.825.389
Cộng	<u>4.186.380.400</u>	<u>1.948.619.860</u>
Dài hạn:		
Tạm ứng tiền đền bù di dời (*)	32.800.000.000	32.800.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	146.867.000	238.143.000
Cộng	<u>32.946.867.000</u>	<u>33.038.143.000</u>

(*) Là khoản tiền tạm ứng 80% tổng giá trị đền bù di dời phục vụ dự án chuyển đổi công năng và khai thác kho bãi khu vực 145-147 Nguyễn Tất Thành mà Công ty Cổ Phần Đường Khánh Hội đã trả Công ty Cổ Phần Logistics Vinalink theo hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐĐB.14 ngày 14 tháng 11 năm 2014 - xem thêm mục 10.

5.14. Quỹ khen thưởng phúc lợi

		VND
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	1.638.341.427	2.026.945.703
Trích lập trong năm	3.370.000.000	4.067.000.000
Sử dụng trong năm	(1.589.900.000)	(4.455.604.276)
Số dư cuối năm	<u>3.418.441.427</u>	<u>1.638.341.427</u>

5.15. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện dài hạn là khoản doanh thu cho thuê kho bãi nhận trước theo hợp đồng số 2391/HĐHT.12 ngày 14 tháng 11 năm 2014 - xem thêm mục 10.

(Phần tiếp theo ở trang 24)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

5.16. Vốn chủ sở hữu

5.16.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: Triệu đồng									
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quy đầu tư và phát triển	Quy dự phòng tài chính	Quy khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	90.000	5.203	5.000	(197)	17	2.147	120	1.516	50.978	154.784
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	50.172	50.172
Lợi ích liên doanh, liên kết phân bổ	-	(248)	-	197	(17)	(2.147)	(120)	(1.168)	(5.092)	(8.595)
Tặng khác	-	-	-	-	8	-	-	-	-	8
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(18.000)	(18.000)
Trích lập quỹ	-	-	1.000	-	-	-	-	-	(5.067)	(4.067)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	(11)	(11)
Số dư đầu năm nay	90.000	4.955	6.000	-	8	-	-	348	72.980	174.291
Tặng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	36.636	36.636
Tặng khác	-	-	-	-	36	-	-	47	357	440
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(18.000)	(18.000)
Trích lập quỹ	-	-	1.000	-	-	-	-	-	(4.370)	(3.370)
Số dư cuối năm	90.000	4.955	7.000	-	44	-	-	395	87.603	189.997

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

5.16.2. Cổ phiếu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng:	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	9.000.000	9.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu

5.16.3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận hợp nhất phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ	36.635.532.307	50.172.825.213
Trừ trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(3.370.000.000)	(4.067.000.000)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân gia quyền trong năm	9.000.000	9.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) và lãi suy giảm trên cổ phiếu (DEPS)	<u>3.696</u>	<u>5.123</u>

5.16.4. Phân phối lợi nhuận

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	72.980.608.123	50.977.503.563
Lợi nhuận sau thuế trong năm	36.635.532.307	50.172.825.213
Chia cổ tức	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Hội đồng quản trị	(3.370.000.000)	(4.067.000.000)
Trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Khác	356.902.029	(5.102.720.653)
Cộng	<u>87.603.042.459</u>	<u>72.980.608.123</u>

5.17. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

	Cuối năm	Đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
USD	1.792.282,00	960.305,95

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu:		
Dịch vụ hàng không	157.745.347.425	141.012.987.685
Dịch vụ đường biển	85.573.746.150	91.750.825.563
Dịch vụ logistics	96.159.055.494	64.509.967.270
Chi nhánh Hà Nội	345.698.465.098	316.278.881.613
Chi nhánh Hải Phòng	51.850.860.892	52.450.024.609
Công ty con	10.240.511.043	2.368.174.766
Cộng	<u>747.267.986.102</u>	<u>668.370.861.506</u>

Trong đó, doanh thu đối với các bên có liên quan - Xem thêm mục 8

Công ty Cổ phần Giao nhận vận tải miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	521.282.679	709.078.134
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	655.865.767	652.632.050
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển	-	4.010.363
Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật Koneike Vina (Japan)	370.199.112	212.494.429
Công ty NHH Điều khiển vận chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	65.402.945	34.611.522
Cộng	<u>1.612.750.503</u>	<u>1.612.826.498</u>

6.2. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn phòng hàng không	150.311.867.257	134.304.848.298
Giá vốn phòng đường biển	76.067.343.849	83.267.513.216
Giá vốn phòng logistics	88.783.863.302	55.648.053.155
Giá vốn chi nhánh Hà Nội	340.421.219.947	312.639.235.441
Giá vốn chi nhánh Hải Phòng	51.404.051.568	51.458.239.106
Giá vốn Công ty con	5.675.347.707	1.842.524.638
Cộng	<u>712.663.693.630</u>	<u>639.160.413.854</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá	10.574.649.191	7.991.748.583
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.357.400.000	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.696.662.217	302.852.851
Cộng	<u>16.628.711.408</u>	<u>8.294.601.434</u>

6.4. Chi phí tài chính

Là khoản lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện.

6.5. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi ghi nhận từ kết quả kinh doanh của Công ty liên doanh liên kết	15.775.888.121	26.596.954.887
Lãi từ bán phần vốn góp vào Công ty liên kết	116.348.218	18.413.671.273
Cộng	<u>15.892.236.339</u>	<u>45.010.626.160</u>

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	6.935.265.615	6.573.724.361
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.761.598.952	4.174.227.876
Các khoản chi phí QLDN khác	2.732.884.677	2.466.236.222
Cộng	<u>14.429.749.244</u>	<u>13.214.188.459</u>

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	7.687.268.700	11.752.194.237
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>7.687.268.700</u>	<u>11.752.194.237</u>

(Phần tiếp theo ở trang 28)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Chi tiết thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	44.322.801.007	61.925.019.450
Cộng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2013 của Công ty con tại Campuchia	-	202.484.420
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	8.815.701.225	8.591.428.323
- Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	8.815.701.225	8.578.788.594
- Chi phí hoa hồng vượt mức khống chế	-	-
- Điều chỉnh thuế GTGT năm 2013 và phạt chậm nộp thuế	-	12.639.729
Cộng thu nhập từ bán Công ty liên kết theo báo cáo riêng	486.023.344	30.360.000.000
Trừ cổ tức được chia	(1.357.400.000)	-
Trừ phần lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh	(15.892.236.338)	(45.010.626.160)
Trừ các khoản điều chỉnh giảm khác	(1.431.331.597)	(612.597.490)
Trừ thu nhập khác chịu thuế suất 22%	-	(30.916.201.172)
Thu nhập từ công ty con phát sinh trong năm	(554.319.601)	127.610.671
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	34.389.238.039	24.667.118.042
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	22%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	7.565.632.369	4.933.423.608
Cộng chi phí thuế TNDN từ thu nhập khác	-	6.801.564.258
Chi phí thuế TNDN trong năm	7.565.632.369	11.734.987.866
Điều chỉnh tăng chi phí thuế TNDN của năm trước	-	18.603.635
Trừ chi phí thuế công ty con đã nộp ở Campuchia	-	(44.546.572)
Cộng chi phí thuế TNDN từ công ty con	121.636.331	43.149.308
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	7.687.268.700	11.752.194.237

6.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	54.532.486.100	44.753.142.146
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.150.273.714	3.144.870.622
Chi phí dịch vụ mua ngoài	540.019.147.150	492.554.743.117
Chi phí khác bằng tiền	129.391.535.910	111.921.846.428
Cộng	727.093.442.874	652.374.602.313

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo khu vực địa lý như sau:

- Thành phố Hồ Chí Minh
- Thành phố Hà Nội
- Khác bao gồm: Thành phố Hải Phòng và Vương quốc Campuchia

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

	<u>Hồ Chí Minh</u>		<u>Hà Nội</u>		<u>Khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Đơn vị tính: Triệu đồng</u>	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hợp nhất										
Từ khách hàng bên ngoài	339.478	297.274	345.698	316.279	62.091	54.818	-	-	747.267	668.371
Giữa các bộ phận	3.424	793	-	-	1.798	1.943	(5.222)	(2.736)	-	-
Cộng	342.902	298.067	345.698	316.279	63.889	56.761	(5.222)	(2.736)	747.267	668.371

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Kết quả của bộ phận	12.271	11.512	5.277	3.640	2.627	844	-	-	20.175	15.996
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính									20.175	15.996
Thu nhập tài chính									16.629	8.295
Chi phí tài chính									(8.397)	(7.462)
Lợi nhuận khác									24	85
Phần lợi ích trong công ty liên doanh liên kết									15.892	45.011
Thuế thu nhập doanh nghiệp									(7.687)	(11.752)
Lợi nhuận hợp nhất sau thuế									36.636	50.173

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Đơn vị tính: Triệu đồng**Các thông tin khác**

	<u>Hồ Chí Minh</u>		<u>Hà Nội</u>		<u>Khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Tổng công</u>	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản của bộ phận	272.597	264.579	51.981	49.743	40.714	29.892	(26.419)	(36.189)	338.873	308.025
Tổng tài sản hợp nhất									338.873	308.025

Nợ phải trả của bộ phận 113.690 111.359 47.111 45.537 14.494 13.027 (26.419) (36.189) 148.876 133.734

Tổng nợ phải trả hợp nhất

	<u>Hồ Chí Minh</u>		<u>Hà Nội</u>		<u>Khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Tổng công</u>	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí mua sắm tài sản	2.280	91	1.844	749	218	11	-	-	4.342	851
Chi phí khấu hao	1.975	2.229	432	257	766	659	-	-	3.173	3.145

(Phân tiếp theo ở trang 31)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Trong năm, Tập đoàn đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	Công ty liên kết
2. Công ty Cổ phần Logistic Kim Thành	Công ty liên kết
3. Công ty Cổ phần Vận chuyển Vinalink	Công ty liên kết
4. Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	Công ty liên doanh
5. Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	Công ty liên doanh
6. Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	Công ty liên doanh
7. Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	Công ty liên doanh
8. Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam (Vinatrans)	Phó Chủ tịch HĐQT là Chủ tịch HĐQT
9. Công ty Cổ phần Vinafreight	Phó chủ tịch HĐQT là thành viên HĐQT Công ty này
10. Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (VNT Logistics)	Phó chủ tịch HĐQT là thành viên HĐQT Công ty này
11. Công ty TNHH Sojitz Logistics Việt Nam	Thành viên HĐQT là thành viên HĐQT Công ty này
12. Công ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Con Đường Việt	Thành viên HĐQT là thành viên HĐQT Công ty này
13. Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

- Giao dịch nội bộ giữa các Công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu với các bên liên quan như sau:

	Cuối năm	VND Đầu năm
Phải thu - Xem thêm mục 5.5		
Một số thành viên quản lý chủ chốt	7.558.347.027	7.396.356.080

- Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong năm như sau:

	Năm nay	VND Năm trước
Cung cấp dịch vụ - xem thêm mục 6.1	1.612.750.503	1.612.826.498
Sử dụng dịch vụ	2.228.311.908	2.339.624.480
Cho vay	30.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

- Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	687.000.000	331.500.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.949.844.808	1.870.455.358
Cộng	<u>2.636.844.808</u>	<u>2.201.955.358</u>

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

10. THUYẾT MINH KHÁC

Ngày 14 tháng 11 năm 2014, Công ty cổ phần Logistic Vinalink có ký kết Hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh số 2391/HĐHT.12 và Hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐĐB.14 ngày 14 tháng 11 năm 2014 về việc đền bù di dời phục vụ dự án tại số 145-147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh với Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội. Theo đó, Công ty cổ phần Logistic Vinalink sẽ góp vốn bằng toàn bộ tài sản theo hiện trạng tại văn phòng Công ty (gồm toàn bộ hệ thống kho với tổng diện tích sàn kho 9.397,08 m², văn phòng làm việc, nhà bếp, nhà ăn, toàn bộ sân xi măng bên trong khuôn viên và các hạng mục phụ trợ như hệ thống chiếu sáng, hệ thống PCCC, hệ thống cấp thoát nước, tường rào, trạm điện hiện diện trên khu đất) để Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội quản lý, khai thác. Công ty cổ phần Logistic Vinalink sẽ bàn giao cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội toàn bộ tài sản trên khu đất và từ chối mọi quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến tài sản trên khu đất bao gồm cả quyền quản lý, khai thác khu đất khi cơ quan thẩm quyền chấp thuận chủ trương cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội được làm chủ đầu tư dự án. Việc di dời các hoạt động hiện tại của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink đi nơi khác sẽ được thực hiện chậm nhất 24 tháng sau ngày ký kết các hợp đồng này.

11. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Tổng Giám đốc Tập đoàn phê duyệt và phát hành vào ngày 22 tháng 03 năm 2016.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

Q. KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ THỊ THANH THANH

NGUYỄN ANH NAM

NGUYỄN NAM TIẾN